

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS - PT

Ngày 22 - 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản, kiện đòi tiền chi phí tố tụng khác*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: Ông Chu Văn Thanh

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-DS ngày 25/5/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản, kiện đòi tiền chi phí tố tụng khác*” do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐ-PT ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐ-PT ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Tần A Y và bà Tần Mùi C;

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C trình bày:

Năm 1997 ông và bà được nhà nước giao 15.704m² đất rừng tái sinh, tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi được giao đất gia đình ông bà sử dụng đất để trồng ngô. Năm 2003 bà Tần Mùi C và ông Tần A Y đã đào hào lấn sang phần đất của gia đình ông là 698,2m² nhưng do hai bên gia đình có quan hệ họ hàng nên ông, bà đã để cho bà C mượn sử dụng, khi nào cần sẽ lấy lại.

Ngày 16/01/2007 diện tích đất nêu trên được Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số AK677167, số vào sổ H00024, thửa số 107, tờ bản đồ số 2, diện tích là 15.704m² đất rừng tái sinh, tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai mang tên ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C. Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì ông S và bà C vẫn sử dụng thửa đất được cấp, phần đất bị lấn chiếm vẫn để cho bà C, ông Y mượn sử dụng. Năm 2017 gia đình có nhu cầu sử dụng đất thì bà C và ông Y không trả mà vẫn trồng ngô trên đất. Tháng 9/2018 sau khi bà C và ông Y thu hoạch ngô xong thì ông S và bà C trồng 351 cây quế trên diện tích đó, đến đầu tháng 11/2019 ông Y nhổ 241 cây quế, còn lại 68 cây, ông S đã báo chính quyền địa phương và UBND xã Q đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 25/12/2019 UBND xã Q đã lập biên bản xác minh về số cây bị nhổ, sau khi lập biên bản bà C không cho chăm sóc 68 cây quế còn lại nên số cây này đã chết.

Do tranh chấp đất nên ngày 21/12/2020 ông S, bà C đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện B. Trong quá trình giải quyết ông đã yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và đã phải nộp chi phí tố tụng khác là 7.430.000 đồng. Sau đó ông S, bà C đã rút đơn khởi kiện và TAND huyện B đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến nay bị đơn không trả lại đất nên ông S và bà C tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Y và bà C trả lại 698,2m² đất rừng tái sinh.
- Yêu cầu ông Y và bà C bồi thường thiệt hại về tài sản tổng số cây quế là 309 cây, trị giá 50.000 đồng/cây là 15.450.000 đồng (*Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).
- Yêu cầu bà C ông Y phải thanh toán số tiền chi phí xem xét, thẩm định 7.430.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Ngày 26/11/2021 ông S và bà C đã thay đổi một phần nội dung khởi kiện về việc yêu cầu bà C ông Y phải thanh toán số tiền chi phí xem xét, thẩm định là 5.672.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

Bị đơn bà Tần Mùi C trình bày:

Bà C không nhất trí với quan điểm của nguyên đơn và cho rằng diện tích đất tranh chấp hiện tại để không, gia đình bà không S dụng từ khi Tòa án lập biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021. Theo biên bản này thì đã xác định rõ ranh giới đất của hai bên, việc vợ chồng ông S, bà C khởi kiện yêu cầu gia đình bà trả lại đất là không đúng. Đối với việc bồi thường 309 cây quế, ông S

khai do bà C nhờ là không có căn cứ, bà C chỉ thừa nhận có nhờ của ông S 117 cây, chứ không phải 309 cây. Đối với tiền xem xét, thẩm định tại chỗ ông S yêu cầu phải trả thì bà không đồng ý, vì bà không phải là người viết đơn, bà không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bị đơn ông Tẩn A Y không đến làm việc tại Tòa án, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ gì. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết các đương sự đồng ý lấy kết quả phiên xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai để giải quyết trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, 166 và điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lò Láo S và bà Tẩn Mùi C.

1.1. Ông Tẩn A Y và bà Tẩn Mùi C phải trả lại cho ông Lò Láo S và bà Tẩn Mùi C 698,2m² đất rừng tái sinh, đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/01/2007, nằm trong tổng diện tích 15.704 m² đất rừng tái sinh, tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tứ hướng thửa đất 698,2m² như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp với đường nương rẫy có chiều rộng là 19,12 m.

+ Phía Nam giáp đất R.T.S hộ ông Lò Láo S, bà Tẩn Mùi C có chiều dài là 56,31m.

+ Phía Bắc giáp đất R.T.S hộ ông Tẩn A Y, bà Tẩn Mùi C có chiều dài là 34,5m.

+ Phía Tây giáp đất R.T.S hộ ông Lò Láo S, bà Tẩn Mùi C có chiều dài là 21,5m.

(Có bản trích đo địa chính kèm theo bản án, đây là một phần của bản án không thể tách rời).

1.2. Bà Tẩn Mùi C và ông Tẩn A Y phải bồi thường cho ông Lò Láo S và bà Tẩn Mùi C giá trị 117 cây quế trồng được khoảng hơn một năm trị giá là 1.989.000đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lò Láo S và bà Tẩn Mùi C về yêu cầu buộc ông Tẩn A Y và bà Tẩn Mùi C bồi thường thiệt hại về tài sản là cây quế là 13.461.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Láo S và bà Tẩn Mùi C

về yêu cầu buộc ông Tần A Y và bà Tần Mùi C phải thanh toán tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.672.000 đồng.

Tổng số tiền ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C không được Tòa án chấp nhận là 19.133.000 đồng.

4. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C đã rút yêu cầu bà Tần Mùi C ông Tần A Y phải thanh toán số tiền chi phí xem xét, thẩm định là 1.758.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/4/2022, nguyên đơn ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông Tần A Y và bà Tần Mùi C phải thanh toán tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.672.000 đồng và bồi thường 307 cây quế x 17.000đồng/cây là 5.219.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lò Láo S, bà Tần Mùi C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 18/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong thời hạn luật định, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại về số lượng tài sản là cây trồng.

Theo Đơn kháng cáo và tại phiên tòa ông Lò Láo S, bà Tần Mùi C không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà Tần Mùi C, ông Tần A Y bồi thường giá trị 117 cây quế trồng được khoảng hơn 1 năm với số tiền là 1.989.000 đồng. Ông Lò Láo S, bà Tần Mùi C cho rằng Tòa án sơ thẩm chỉ buộc bị đơn bồi thường số lượng 117 cây là không đúng mà phải tính diện tích 698m² đất lâm nghiệp trồng 2m/cây = 349 cây, trừ rủi ro cây tự chết là 42 cây mới đúng quy cách trồng cây. Số lượng còn lại là 307 cây x 17.000đ/cây là 5.219.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lò Láo S, bà Tần Mùi C trình bày tháng 9/2018 sau khi bà C, ông Y thu hoạch ngô thì ông bà đã trồng 351 cây quế trên đất. Đầu tháng 11/2019, ông Y nhổ 241 cây quế, còn lại 68 cây quế nhưng do bà C không cho chăm sóc nên số cây này cũng chết. Khi ông Y nhổ cây thì UBND xã Q đã lập biên bản về số cây bị nhổ ngày 25/12/2019. Vì vậy, ông S, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, ông Y phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 307 cây quế.

Xét thấy, khi Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông S, bà C với bà C, ông Y thì tài sản trên đất không còn, việc xem xét xác định tài sản bị thiệt hại tại thời điểm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là không thể thực hiện được. Theo Biên bản xác minh ngày 25/12/2019 của UBND xã Q chỉ xác định về tài sản bị phá hoại trên diện tích đất tranh chấp khoảng 1000m² có cây quế bị nhổ, về số lượng cây quế bị nhổ chỉ là ý kiến của ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C. Tòa án sơ thẩm cũng xác minh về việc lập Biên bản xác minh ngày 25/12/2019 đối với ông Trần Việt H - Phó Chủ tịch UBND xã Q, ông Tần A T - Công an viên, ông Bùi Đức L - Cán bộ xã đều xác nhận khi lập biên bản không đếm lại số cây mà chỉ ghi ý kiến của ông Lò Láo S, bà Tần Mùi C. Như vậy, Biên bản xác minh ngày 25/12/2019 không phải căn cứ xác định số lượng cây quế bị nhổ. Tuy nhiên, bị đơn bà Tần Mùi C cũng xác nhận về việc gia đình đã nhổ của ông S 02 lần là 117 cây quế. Tòa án sơ thẩm nhận định thiệt hại về tài sản là các cây quế trồng trên đất tranh chấp của ông S, bà C là có thật, chấp nhận số lượng cây bị nhổ theo lời khai của bà C 117 cây là phù hợp. Do không thể tiến hành định giá tài sản vì tài sản bị thiệt hại không còn nên Tòa án sơ thẩm đã thực hiện khảo sát giá trị cây quế theo tuổi, kích thước cây tại UBND xã Q, Vườn cây giống Duàn Phạm, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B và xác định giá trị các cây quế bị nhổ buộc bà C, ông Y bồi thường lấy theo giá tại địa phương là 17.000đồng/cây là phù hợp.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo về nghĩa vụ chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Lò Láo S, bà Tần Mùi C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Tần Mùi C, ông Tần A Y phải trả số tiền chi phí xem xét thẩm định mà ông S, bà C đã nộp tại Tòa án là 5.672.000 đồng. Tòa án sơ thẩm nhận định số tiền thẩm định này áp dụng cho phiên xem xét thẩm định của TAND huyện B ngày 26/3/2021 khi giải quyết vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 21/12/2020 và đã được giải quyết trong Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2021/QĐST-DS ngày 19/4/2021 của TAND huyện B, cụ thể **nguyên đơn**

ông Lò Láo S, bà Tân Mùi C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.430.000 đồng. Sau khi ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án này, ông S, bà C đều không kháng cáo, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Việc ông S, bà C yêu cầu bà C, ông Y phải trả số tiền xem xét thẩm định tại chỗ này trong vụ án khác (do ông S, bà C khởi kiện lại) là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông S, bà C phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa người kháng cáo ông S, bà C đều không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông S, bà C là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện B.

[4] Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà C buộc ông Y, bà C phải trả lại diện tích 698,2m² đất rừng tái sinh đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ ngày 16/01/2007 không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm tuyên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản; Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xử lý tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp là không hợp lý. Xét thấy không cần sửa bản án sơ thẩm về phần này nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Lò Láo S, bà Tân Mùi C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lò Láo S, bà Tân Mùi C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tân Mùi C và ông Tân A Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp quyền sử dụng đất và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí bồi thường thiệt hại về tài sản. Tổng án phí phải nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 956.600 đồng (Chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí mà ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C đã nộp là 1.088.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P, số 0002093 ngày 29/10/2021 và số 0002154 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Trả lại cho ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 131.400 đồng (Một trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: AC-21P, số 0002217 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Ông Lò Láo S và bà Tần Mùi C còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long